

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2017/DS-PT
Ngày 24 - 7 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng hùn vốn
và hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự hợp đồng hùn vốn và hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T.L, xã T.N, huyện C, tỉnh Đ.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Đ: Luật sư Hồ Thị X và Luật sư Võ Thị T - Văn phòng luật sư X - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T (tên thường dùng Tám S), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T.A, xã A.N, huyện C, tỉnh Đ.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp T.T, xã T.Q, huyện B.T, tỉnh V.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1970.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Gia Đ, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp T.L, xã T.N, huyện C, tỉnh Đ.

2. Anh Huỳnh Phát N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T.A, xã A.N, huyện C, tỉnh Đ.

3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp A.H, xã A.N, huyện C, tỉnh Đ.

4. Anh Nguyễn H.T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp N.T, xã H.T, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Lê Gia Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày:

Cửa hàng Đ T của vợ chồng ông Đ, bà T có bán thức ăn nuôi cá cho ông Huỳnh Tấn T từ ngày 10/8/2012 đến ngày 29/11/2012 với số tiền là 348.190.000 đồng. Nhưng ông T không thanh toán tiền; để ràng buộc trách nhiệm ông Đ và ông T làm hợp đồng góp vốn nuôi cá ngày 25/01/2013, theo hợp đồng thì ông T trả ông 350.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng. Thực chất hai bên không có hùn vốn như hợp đồng thể hiện, do đó ông chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa ông Đ và ông T.

Sau đó ao cá mà ông bán thức ăn cho ông T để nuôi cá, con của ông T là Huỳnh Phát N đứng ra bán cá, lấy tiền và anh N có hứa trả tiền thức ăn mà ông T còn thiếu cho ông.

Nay ông Đ, bà T kiện yêu cầu ông T và anh N cùng liên đới trả tiền mua thức ăn còn thiếu là: 348.190.000 đồng cùng lãi do chậm thanh toán từ ngày 29/11/2012 đến ngày 14/02/2017 với lãi suất 09%/năm; cụ thể tiền lãi là: 348.190.000 đồng x 0.025%/ngày x 1.535 ngày = 133.617.912 đồng. Tổng cộng: 481.807.912 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn Q và Nguyễn H.T thì không tranh chấp và yêu cầu gì đối với hai người này.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn T trình bày:

Ông thừa nhận có mua thức ăn tại cửa hàng của ông Lê Gia Đ, bà Lê Thị T nhưng thời gian cụ thể mua thì ông không nhớ rõ. Tuy nhiên, trong quá trình mua bán thì khi nhận thức ăn, người giao thức ăn là ông Nguyễn Văn Q (thường gọi là Sáu Q) có giao hóa đơn, ông có nhận tổng cộng 6 hóa đơn và số hàng nhận ngày 21/11/2012. Nên chỉ đồng ý trả số tiền theo các hóa đơn này và số tiền ngày 21/11/2012 tổng cộng là 153.320.000 đồng.

Đối với hợp đồng góp vốn nuôi cá ngày 25/01/2013, ông T thừa nhận hai bên không thực hiện hợp đồng, chỉ ký kết để ràng buộc ông có trách nhiệm trả tiền mua thức ăn nuôi cá cho ông Đ.

Ông T là người mua thức ăn để ao nuôi cá của ông. Nên ông chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Đ một mình, không yêu cầu con ông là Huỳnh Phát N liên đới cùng ông chịu trách nhiệm.

Ông không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn H.T. Ông T chỉ đồng ý trả cho ông Đ 153.320.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Phát N trình bày:

Anh là con của ông T. Ông T có mua thức ăn nuôi cá của hàng của ông Đ để nuôi cá trong ao đất nhà, nhưng sau đó ông Đ không đầu tư (không bán thức ăn nữa) nên ông T gặp khó khăn và bỏ cá đói hơn năm. Việc nuôi cá của ông T, anh không có liên quan, không hùn nuôi cá. Đến khi anh đăng ký kinh doanh mở cửa hàng mua bán thức ăn thủy sản thì ao của ông T là ao anh đầu tư (bán thức ăn) đầu tiên, vì cá đã bị bỏ đói lâu ngày. Anh Đ bán thức ăn cho ông T được khoảng 6 tháng thì bán cá và lấy lại tiền thức ăn đã đầu tư.

Ao cá của ông T bán cá được khoảng 1.600.000.000 đồng, anh đã lấy lại tiền đầu tư, tiền bán thức ăn của mình 1.050.000.000 đồng. Còn lại là của ông T, nhưng hiện bên công ty mua còn nợ chưa trả hết.

Việc đầu tư, mua bán thức ăn giữa ông T và ông Đ thì anh không liên quan. Còn việc anh hứa trả nợ thay ông T là do bị gia đình ông Đ uy hiếp nên viết cam kết, nhưng nội dung cũng không rõ ràng và cũng không biết được cụ thể số nợ của ông T là bao nhiêu. Do đó, không đồng ý trả nợ thay hay liên đới cùng với ông T trả nợ theo yêu cầu của ông Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q, anh Nguyễn H.T trình bày:

Ông Q, anh H.T chỉ là người đi giao hàng (thức ăn nuôi cá) của ông Đ cho ông T nhận. Ông T nhận xong thì ký nhận hàng và nợ với ông Đ; ông Q, ông T trả lại sổ cho ông Đ. Ông Q, anh H.T không có yêu cầu, cũng như không liên quan về nghĩa vụ gì trong vụ kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc ông Huỳnh Tấn T trả cho ông Lê Gia Đ và bà Lê Thị T tiền mua thức ăn nuôi cá chưa thanh toán là: 433.418.000 đồng (trong đó tiền thức ăn chưa thanh toán là 313.220.000 đồng, tiền lãi là 120.198.000 đồng).

- Tuyên bố Hợp đồng góp vốn nuôi cá ngày 25/01/2013 giữa ông Lê Gia Đ và ông Huỳnh Tấn T vô hiệu.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Tấn T phải chịu 21.337.000 đồng án phí.

- Ông Lê Gia Đ phải chịu 2.419.000 đồng án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.620.000 đồng theo biên lai thu số 028870 ngày 13/01/2015; ông Đ được nhận lại 11.201.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Gia Đ và bà Lê Thị T mà ông Huỳnh Tấn T chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông T còn phải trả tiền lãi trên số tiền chưa thi hành, với lãi suất 10%/năm, cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 28/02/2017 ông Lê Gia Đ kháng cáo bản án yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là buộc ông Huỳnh Tấn T và anh Huỳnh Phát N liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi cá chưa thanh toán tiền vốn 313.220.000 đồng, tiền lãi 120.198.000 đồng; tổng cộng là: 433.418.000 đồng. Ông Huỳnh Tấn T kháng cáo yêu cầu giải quyết bác yêu cầu của ông Lê Gia Đ, bà Lê Thị T về việc buộc ông trả số tiền 433.418.000 đồng và ông không đồng ý nộp tiền án phí 21.337.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự ông Đ, ông T (ngày 24/7/2017 ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H), anh N, ông Q có mặt; anh H.T trình bày

xong ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Các đương sự khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

- Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày việc mua bán là anh N có liên quan về việc nuôi cá của ông T. Việc anh N cam kết trả nợ là tự nguyện, ông không đe dọa anh N buộc anh N trả nợ, việc xảy ra chỉ là sự việc hiểu nhầm.

- Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa ông Đ và ông T là có thật. Ông T đã tự nguyện ký xác nhận nợ với ông Đ. Việc mua bán thức ăn nuôi cá giữa anh N với ông T là không rõ ràng, không có sổ sách ghi nhận việc mua bán thức ăn nuôi cá. Đại lý thức ăn nuôi cá của anh N là được xây dựng trên đất ông T. Anh N và ông T trước đây sống chung và cùng nuôi cá đến tháng 3 năm 2013 thì mới tách hộ khẩu riêng ra. Lời khai của ông Q và ông H.T là người không có mâu thuẫn gì với ông T (vì ông Q là anh em kết nghĩa với ông T, ông Q giới thiệu để hai bên thực hiện hợp đồng và ông Q, ông H.T vận chuyển giao hàng hóa) nên lời khai ông Q và ông H.T xác nhận ông T còn nợ số tiền 313.220.000 đồng là khách quan. Việc ông T trình bày đã trả nợ là không có cơ sở vì không có gì chứng minh trả tiền cho ông Đ. Ao cá là của ông T nhưng anh N bán cá và lấy tiền không trả cho ông Đ; số tiền công ty mua cá còn thiếu vẫn là tiền của anh N là chủ sở hữu về mặt hợp đồng. Nên đề nghị sửa án sơ thẩm buộc anh N liên đới cùng ông T trả tiền mua thức ăn cho ông Đ, bà T.

- Ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà T. Ông T chỉ đồng ý trả số tiền nợ ông Đ 153.320.000 đồng và tiền lãi. Không yêu cầu anh N liên đới trả nợ với ông T. Ông H (đại diện theo ủy quyền ông T) cho rằng khi ông T ký, viết thì chưa có ghi mà do ông Đ viết thêm vào “cộng chung nợ 313.220.000 đồng.

- Anh N cung cấp thêm các chứng cứ kinh doanh của anh và việc thỏa thuận nuôi cá giữa anh với ông T. Anh N không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ cho ông Đ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Q trình bày ông chỉ chở mướn theo yêu cầu giữa ông Đ và ông T. Việc ông T ký xác nhận nợ cho ông Đ số tiền 313.220.000 đồng là đúng sự thật.

- Anh H.T trình bày khi giao hàng là có ông T ký nhận hàng và lần viết xác nhận 313.220.000 đồng là ông T đã kiểm tra và tự nguyện viết vào sổ mua hàng của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh N, anh H.T có vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất dẫn đến phải hoãn phiên tòa là chưa chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo của ông Đ yêu cầu anh N liên đới cùng ông T trả tiền mua thức ăn cho ông Đ là có cơ sở chấp nhận; kháng cáo của ông T chỉ đồng ý trả 153.320.000 đồng ông Đ và chỉ nộp án phí đối với số tiền 153.320.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Lê Gia Đ, không chấp nhận kháng cáo ông Huỳnh Tấn T; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thống nhất Cửa hàng bán thức ăn thủy sản Đ T của ông Đ, bà T có bán thức ăn nuôi cá cho ông T. Hai bên thống nhất là việc mua bán có lập sổ giao nhận thức ăn, việc thực hiện hợp đồng nhiều lần và quá trình mua bán thì khi nhận thức ăn, người giao thức ăn là do ông Nguyễn Văn Q (thường gọi là Sáu Q) và anh Nguyễn H.T vận chuyển. Do ông T không trả tiền cho ông Đ nên hai bên thống nhất thỏa thuận làm Hợp đồng góp vốn ngày 25/01/2013 để buộc trách nhiệm trả tiền mua thức ăn cá của ông T; ông Đ không có giao nhận tiền chỉ ghi nhận số tiền góp vốn là 350.000.000 đồng. Hai bên đồng ý chỉ tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn, không tranh chấp số tiền góp vốn. Bản án sơ thẩm tuyên bố hợp đồng góp vốn ngày 25/01/2013 vô hiệu là đúng quy định do đó không xem xét lại hợp đồng hùn vốn này.

[2] Xét kháng cáo ông T không đồng ý trả số tiền tiền vốn 313.220.000 đồng, tiền lãi 120.198.000 đồng; tổng cộng là: 433.418.000 đồng cho ông Đ, bà T. Nhận thấy ông Đ, bà T khi bán thức ăn nuôi cá cho ông T hai bên thống nhất là có lập sổ giao nhận thức ăn, việc thực hiện hợp đồng nhiều lần kể từ ngày 10/8/2012 đến ngày 25/11/2012. Ngày 25/11/2012 khi giao hàng thêm, có cộng tổng số tiền bán thức ăn là 313.220.000 đồng ngay phía dưới số tiền

có chữ viết “*Tám S Huỳnh Tấn T*”; ông T thừa nhận chữ viết là của ông, nhưng cho rằng phía ông Đ đưa ông viết xác nhận tổng nợ, nhưng không đối chiếu sổ với ông, nên ông không thừa nhận. Ông T không có tài liệu, chứng cứ về việc giao trả tiền lần nào cho ông Đ. Việc ông T trình bày ông ký xác nhận số tiền 313.220.000 đồng là nhằm lẫn nhưng từ sau khi ký vào sổ nợ đến khi xảy ra tranh chấp ông không có văn bản nào phản đối và ông Đ không thừa nhận việc ghi nhầm lẫn số tiền này. Ngoài ra số tiền vốn 313.220.000 đồng ông Đ khởi kiện ông T phải trả được chấp nhận hoàn toàn phù hợp với lời khai khách quan của ông Q, anh H.T là người vận chuyển hàng cho ông Đ, ông T đã trình bày nhận sổ và hàng từ ông Đ. Sau đó đem giao hàng và đưa sổ cho ông T xem và ông T đã ký nhận tại ao nuôi cá ông T. Cũng phù hợp tương ứng với số tiền 350.000.000 đồng mà hai bên ký kết hợp đồng hùng vốn. Do đó, đủ cơ sở xác định đến ngày 25/11/2012 ông T còn nợ tiền vốn mua thức ăn cá của ông Đ, bà T chưa trả là 313.220.000 đồng.

Về tiền lãi cả hai đều thống nhất tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật với lãi suất là 9%/năm và được tính từ ngày 29/11/2012. Nên tiền lãi từ ngày 29/11/2012 đến ngày 14/02/2017 là: $313.220.000 \text{ đồng} \times 0,025\%/\text{ngày} \times 1.535 \text{ ngày} = 120.198.000 \text{ đồng}$ (lấy số tròn). Tổng cộng ông T phải trả tiền thức ăn nuôi cá cho ông Đ, bà T là 433.418.000 đồng.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông T và yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên ông T phải có nghĩa vụ nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo ông Đ yêu cầu anh N phải liên đới cùng ông T trả số tiền cho ông Đ, bà T. Qua việc thu thập thêm các chứng cứ có đủ chứng cứ chứng minh ông T và anh N trước đây sống chung nhà, anh N có phụ giúp ông T trong việc nuôi cá. Đến ngày 04 tháng 3 năm 2013 thì anh N tách hộ khẩu về nhập với hộ khẩu ông Huỳnh Văn H (là ông nội anh). Do không có người bán thức ăn nuôi cá cho ông T nên tháng 10 năm 2013, ông T sang tên quyền sử dụng đất của ông cho anh N đứng tên. Ngày 18/10/2013 anh N đăng ký Hộ kinh doanh thức ăn thủy sản và dùng tài sản quyền sử dụng đất để thế chấp đảm bảo việc ký kết hợp đồng mua thức ăn thủy sản Công ty trách nhiệm hữu hạn C.G. Cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản của anh N được xây dựng trên diện tích đất ao ông T nuôi cá; ông T, anh N cùng thực hiện việc mua bán với Công ty. Khi cá nuôi trong ao ông T lớn đủ trọng lượng để bán thì anh N là người đứng ra ký kết thỏa thuận với Công ty TNHH P.P.L để thực hiện hợp đồng bán cá của ông T. Anh N thừa nhận ao cá vẫn thuộc sở hữu của ông T

nhưng anh đầu tư, bán thức ăn nuôi cá của ông T nên khi bán cá tự anh tính toán lấy lại tiền từ công ty trả là 1.000.000.000 đồng; số tiền Công ty mua cá còn thiếu lại 564.000.000 đồng trên hợp đồng là thiếu tiền anh N. Do đó việc anh N cùng thực hiện và chiếm hữu sử dụng tài sản của ông T nên làm phát sinh nghĩa vụ nên buộc anh N liên đới cùng T trả nợ là đúng quy định về pháp luật quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ liên đới về tài sản. Nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ; buộc anh N cùng có trách nhiệm cùng với ông T trả nợ cho ông Đ, bà T.

Từ những nhận định trên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định pháp luật do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ; sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Đ, ông T không phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự

Các Điều 129, 275, 428, 438 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Tấn T.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Gia Đ.

3. Sửa bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C.

- Hủy hợp đồng góp vốn nuôi cá ngày 25/01/2013 giữa ông Lê Gia Đ và ông Huỳnh Tấn T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu ông Lê Gia Đ và bà Lê Thị T đối với ông Huỳnh Tấn T, anh Huỳnh Phát N.

- Buộc ông Huỳnh Tấn T, anh Huỳnh Phát N phải liên đới trả cho ông Lê Gia Đ và bà Lê Thị T tiền mua thức ăn nuôi cá chưa thanh toán là: 433.418.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Tấn T, anh Huỳnh Phát N phải liên đới nộp 21.337.000 đồng án phí.

- Ông Lê Gia Đ, bà Lê Thị T phải nộp 2.419.000 đồng án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.620.000 đồng theo biên lai thu số 028870 ngày 13/01/2015 của Chi cục thi hành án huyện C. Ông Đ được nhận lại 11.201.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Gia Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 10503 ngày 28/2/2017 của Chi cục thi hành án huyện C.

- Ông Huỳnh Tấn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 10505 ngày 28/2/2017 của Chi cục thi hành án huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đ;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm